

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/BB-CTX-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2026,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 nhất trí thông qua các vấn đề sau:

1. Thông qua nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị.
2. Thông qua nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát.
3. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán kèm theo Tờ trình số 01/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026.
4. Thông qua nội dung Tờ trình số 02/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
5. Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026 về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
6. Thông qua nội dung dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi kèm theo Tờ trình số 04/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026.
7. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo Tờ trình số 05/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026.
8. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo Tờ trình số 06/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 17/06/2026.
9. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kèm theo Tờ trình số 07/2026/TTr-CTX-BKS ngày 17/06/2026.

**Điều 2.** Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Người ký: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Email: fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:03:25 +07:00



**PHAN MINH TUẤN**

**BIÊN BẢN HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Tên doanh nghiệp : Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam  
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội  
Giấy chứng nhận : 0100109441 do Phòng ĐKKD và Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính  
ĐKDN thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 06/02/2026  
Thời gian họp : Ngày 26/06/2026  
Địa điểm họp : Tầng 2 nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, Hà Nội

**I. CÁC NỘI DUNG THỦ TỤC****1. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông**

Ban tổ chức đại hội công bố Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty, kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam lập tại ngày đăng ký cuối cùng 28/05/2026 là: 100.406.740 cổ phần.
- Số cổ phần đăng ký tham dự đại hội (tính đến 8 giờ 30 phút) là: 90.748.578 cổ phần, bằng 90,38% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Căn cứ Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 18 Điều lệ Tổng công ty, với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội như trên, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty đủ điều kiện tiến hành.

**2. Chủ tọa đại hội**

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ông Phan Minh Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị, là Chủ tọa điều hành đại hội.

**3. Thư ký đại hội**

Chủ tọa đại hội cử Ông Trần Anh Hải, Thư ký công ty, làm Thư ký đại hội.

**4. Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức đại hội**

Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, kết quả biểu quyết như sau:

Số phiếu biểu quyết phát ra : 90.748.578 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết thu về : 90.746.670 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ : 0 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 90.746.670 phiếu.

Trong đó:

+ Phiếu tán thành : 90.745.398 phiếu. Bằng 99,999% phiếu biểu quyết hợp lệ  
+ Phiếu không tán thành : 0 phiếu. Bằng 0% phiếu biểu quyết hợp lệ  
+ Phiếu không có ý kiến : 1.272 phiếu. Bằng 0,001% phiếu biểu quyết hợp lệ

**Chủ tọa kết luận:** Với tỷ lệ phiếu của các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành do Ban tổ chức công bố, đại hội đã nhất trí thông qua nội dung Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

## 5. Ban kiểm phiếu

Chủ tọa đề cử danh sách Ban kiểm phiếu gồm các ông/bà có tên dưới đây:

1. Bà Hoàng Thị Hương Lan - Trưởng Ban kiểm phiếu.
2. Bà Phan Thị Tố Hoa - Thành viên Ban kiểm phiếu.
3. Bà Đỗ Thị Huệ - Thành viên Ban kiểm phiếu.

Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu, kết quả như sau:

Số phiếu biểu quyết phát ra : 90.748.578 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết thu về : 90.746.670 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ : 0 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 90.746.670 phiếu.

Trong đó:

+ Phiếu tán thành : 90.745.398 phiếu. Bằng 99,999% phiếu biểu quyết hợp lệ  
+ Phiếu không tán thành : 0 phiếu. Bằng 0% phiếu biểu quyết hợp lệ  
+ Phiếu không có ý kiến : 1.272 phiếu. Bằng 0,001% phiếu biểu quyết hợp lệ

**Chủ tọa kết luận:** Với tỷ lệ phiếu của các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành do Ban tổ chức công bố, đại hội đã nhất trí thông qua danh sách Ban kiểm phiếu nêu trên.

## II. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI

### 1. Biểu quyết thông qua chương trình đại hội

- Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên dự kiến gồm các nội dung sau:

- 1) Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- 2) Báo cáo của Ban kiểm soát;
- 3) Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán;
- 4) Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026;
- 5) Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 6) Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi;
- 7) Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty
- 8) Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 9) Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, kết quả biểu quyết như sau:

Số phiếu biểu quyết phát ra : 90.794.222 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết thu về : 90.791.042 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ : 0 phiếu.  
Số phiếu biểu quyết hợp lệ : 90.791.042 phiếu.

Vấn đề biểu quyết	Phiếu biểu quyết (phiếu)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	90.791.042	0	0	100%	0%	0%



2. Báo cáo của Ban kiểm soát	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
3. Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
5. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
6. Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
7. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
8. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
9. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	90.791.042	0	0	100%	0%	0%

**Chủ tọa kết luận:** Với tỷ lệ phiếu của các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành do Ban kiểm phiếu công bố, đại hội đã nhất trí thông qua chương trình họp, gồm các vấn đề sau:

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Ban kiểm soát.
3. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.
5. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
6. Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi.
7. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
8. Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
9. Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

## 2. Biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo và tờ trình

Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo và tờ trình, kết quả biểu quyết như sau:

Số phiếu biểu quyết phát ra	:	90.794.222 phiếu.
Số phiếu biểu quyết thu về	:	90.791.042 phiếu.
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	:	0 phiếu.
Số phiếu biểu quyết hợp lệ	:	90.791.042 phiếu.

Nội dung biểu quyết	Phiếu biểu quyết (phiếu)			Tỷ lệ biểu quyết (%)		
	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban kiểm soát	90.791.042	0	0	100%	0%	0%

3. Thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 kiểm toán kèm theo Tờ trình số 01/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
4. Thông qua nội dung Tờ trình số 02/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
5. Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026 về thù lao của HĐQT và BKS	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
6. Thông qua nội dung dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi kèm theo Tờ trình số 04/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
7. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo Tờ trình số 05/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
8. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT kèm theo Tờ trình số 06/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 17/06/2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%
9. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của BKS kèm theo Tờ trình số 07/2026/TTr-CTX-BKS ngày 17/06/2026	90.791.042	0	0	100%	0%	0%

**Chủ tọa kết luận:** Với tỷ lệ phiếu của các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành do Ban kiểm phiếu công bố, đại hội đã nhất trí thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị.
2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.
3. Thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2025 kiểm toán kèm theo Tờ trình số 01/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026.
4. Thông qua nội dung Tờ trình số 02/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

5. Thông qua nội dung Tờ trình số 03/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026 về thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
6. Thông qua nội dung dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi kèm theo Tờ trình số 04/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026.
7. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty kèm theo Tờ trình số 05/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 01/06/2026.
8. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo Tờ trình số 06/2026/TTr-CTX-HĐQT ngày 17/06/2026.
9. Thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát kèm theo Tờ trình số 07/2026/TTr-CTX-BKS ngày 17/06/2026.

### III. THÔNG QUA BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Thư ký đại hội đọc lại toàn văn nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

- Các cổ đông dự họp đã biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp, kết quả như sau:

Số phiếu biểu quyết phát ra	:	90.794.222 phiếu.
Số phiếu biểu quyết thu về	:	90.791.042 phiếu.
Số phiếu biểu quyết không hợp lệ	:	0 phiếu.
Số phiếu biểu quyết hợp lệ	:	90.791.042 phiếu.

Trong đó:

+ Phiếu tán thành	:	90.791.042 phiếu. Bằng 100%	phiếu biểu quyết hợp lệ
+ Phiếu không tán thành	:	0 phiếu. Bằng 0%	phiếu biểu quyết hợp lệ
+ Phiếu không có ý kiến	:	0 phiếu. Bằng 0%	phiếu biểu quyết hợp lệ

**Chủ tọa kết luận:** Với tỷ lệ phiếu của các cổ đông dự họp biểu quyết tán thành do Ban kiểm phiếu công bố, đại hội đã nhất trí thông qua toàn văn nội dung Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam đã phản ánh đầy đủ các nội dung làm việc của Đại hội. Biên bản đã được Thư ký đại hội đọc lại toàn văn và được các cổ đông dự họp biểu quyết thông qua; không có ý kiến khác.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



**PHAN MINH TUẤN**

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**TRẦN ANH HẢI**

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về các nội dung sau đây: (1) Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025 và (2) Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025; định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025****1. Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 02 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 27/06/2025 và ĐHĐCĐ bất thường tổ chức ngày 21/11/2025. Các cuộc họp được tổ chức đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo tính minh bạch, dân chủ và quyền lợi của cổ đông.

Căn cứ các nội dung quan trọng đã được ĐHĐCĐ thông qua, Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ như sau:

**Các nội dung đã thực hiện:**

- Tổng công ty đã ký hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- Hội đồng quản trị đã ban hành quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án tòa nhà văn phòng và thương mại Constrexim Plaza trên cơ sở nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Hoàn thành việc chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp công trình Trung tâm thương mại, căn hộ và văn phòng tại lô đất A1-2, khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội theo quy định pháp luật.
- Hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025. Vốn điều lệ sau đợt phát hành là 1.004.067.400.000 đồng.
- Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030.

**Nội dung chưa thực hiện được:**

Hội đồng quản trị đã trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Tuy nhiên, các dự thảo trên chưa được thông qua do không nhận được đủ tỷ lệ phiếu biểu quyết tán thành của cổ đông theo quy định.

**2. Các cuộc họp HĐQT và các nghị quyết, quyết định của HĐQT năm 2025**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp và 04 lần lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành 12 nghị quyết và 02 quyết định thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Trình tự, thủ tục triệu tập họp và lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Các cuộc họp/ lấy ý kiến Hội đồng quản trị được lập biên bản đầy đủ, có chữ ký của các thành viên HĐQT dự họp và đại diện của Ban kiểm soát.

Người ký: TÔNG CÔNG  
TỶ CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ  
THƯƠNG MẠI VIỆT  
NAM  
Email:

Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm 2025:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1	Nghị quyết HĐQT số 81/2025/NQ-CTX-HĐQT	18/03/2025	Thông qua việc gia hạn hợp ĐHĐCĐ thường niên 2025 và kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
2	Nghị quyết HĐQT số 82/2025/NQ-CTX-HĐQT	26/03/2025	Thông qua việc bổ sung nội dung bầu HĐQT và BKS vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
3	Nghị quyết HĐQT số 83/2025/NQ-CTX-HĐQT	16/04/2025	Thông qua việc thay đổi kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
4	Nghị quyết HĐQT số 84/2025/NQ-CTX-HĐQT	15/05/2025	Thông qua các tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
5	Nghị quyết HĐQT số 85/2025/NQ-CTX-HĐQT	16/05/2025	Thông qua phương án chuyển nhượng Dự án A1
6	Nghị quyết HĐQT số 86/2025/NQ-CTX-HĐQT	11/08/2025	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Tổng công ty đối với bà Ngô Thị Thu Lý
7	Quyết định HĐQT số 48/2025/QĐ-CTX-HĐQT	18/09/2025	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án E2
8	Nghị quyết HĐQT số 87/2025/NQ-CTX-HĐQT	18/09/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
9	Quyết định HĐQT số 49/2025/QĐ-CTX-CTHĐQT	18/09/2025	Quyết định thay đổi ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
10	Nghị quyết HĐQT số 89/2025/NQ-CTX-HĐQT	28/10/2025	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
11	Nghị quyết HĐQT số 90/2025/NQ-CTX-HĐQT	19/11/2025	Thông qua việc bổ sung nội dung họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025
12	Nghị quyết HĐQT số 91/2025/NQ-CTX-HĐQT	21/11/2025	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030
13	Nghị quyết HĐQT số 92/2025/NQ-CTX-HĐQT	28/11/2025	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
14	Nghị quyết HĐQT số 93/2025/NQ-CTX-HĐQT	22/12/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu

### 3. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã triển khai đầy đủ và kịp thời các nội dung quan trọng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, một số nội dung về hoàn thiện hệ thống quản trị sẽ được tiếp tục rà soát, điều chỉnh để trình ĐHĐCĐ xem xét trong thời gian tới.

001  
 NG C  
 CỔ P  
 TỬ X  
 THUC  
 VIỆT  
 AVH PH

- Thực hiện giám sát và chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.
- Các cuộc họp Hội đồng quản trị/lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.
- Tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin.

#### **4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành**

- Hội đồng quản trị luôn theo sát hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Ban điều hành đã triển khai thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cũng như của Đại hội đồng cổ đông;
- Ban điều hành thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### **5. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên của HĐQT**

- Thù lao của Hội đồng quản trị tuân thủ theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025 là 204 triệu đồng, trong đó: thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị là 05 triệu đồng/tháng; thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị là 03 triệu đồng/người/tháng.
- Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm 2025: Không có.

#### **6. Báo cáo về việc Tổng công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng**

Theo danh sách người sở hữu chứng khoán số VNBONUVSDC010445/ VSDCTXXX do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập tại ngày đăng ký cuối cùng 23/01/2026, Tổng công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng về cơ cấu cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024.

Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025 của Bộ Tài chính, Tổng công ty đã có Văn bản số 41/CV-CTX ngày 03/02/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo việc không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Ngày 31/03/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Văn bản số 2477/UBCK-GSDC gửi Tổng công ty, theo đó đề nghị Tổng công ty tiếp tục theo dõi việc đáp ứng điều kiện công ty đại chúng và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau thời hạn 01 năm kể từ ngày 23/01/2026 theo quy định pháp luật hiện hành.

## **II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

### **1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025**

944  
NG  
HÀN  
Y D  
NG M  
NAM  
HÀ

Theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam, Tổng công ty đã đạt một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025 (tỷ đồng)
Doanh thu	5.999
Lợi nhuận trước thuế	272,7
Lợi nhuận sau thuế	196,8
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	4,5%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (789 tỷ)	24,9%

- Doanh thu thực hiện năm 2025 chủ yếu từ hoạt động chuyển nhượng dự án.
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ xác định trên vốn điều lệ tại ngày 31/12/2025.

## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

a) Định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

- Triển khai thực hiện Dự án E2 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị.
- Cơ bản hoàn thành giai đoạn đầu tư Dự án Bản Mòng (tại Sapa) và đưa vào chạy thử.
- Chuyển nhượng các dự án không hiệu quả, không nằm trong chiến lược đầu tư dài hạn để tập trung nguồn lực cho các dự án phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty.
- Đẩy mạnh khai thác các bất động sản sau đầu tư đã đưa vào vận hành.

b) Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Với định hướng trên, HĐQT đề xuất kế hoạch năm 2026 như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026 (tỷ đồng)
Doanh thu	250
Lợi nhuận trước thuế	50
Lợi nhuận sau thuế	40
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	20%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (1.004 tỷ)	4,0%

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025; kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Trân trọng báo cáo.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**PHAN MINH TUẤN**

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 như sau:

**1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát**

- Thù lao của Ban Kiểm soát tuân thủ theo mức thù lao Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thông qua. Cụ thể:
  - + Trưởng Ban Kiểm soát : 3.000.000 đồng/tháng.
  - + Các thành viên Ban Kiểm soát : 1.000.000 đồng/tháng.
- Chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát: Không có.

**2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị**

Trong năm 2025 Ban Kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Thực hiện soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 và báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
- Thảo luận, trao đổi và thống nhất các nội dung báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhiệm kỳ 2025 - 2030 sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Các thành viên Ban Kiểm soát hoạt động đúng chức năng, quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ; có trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ được giao.

**3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty**

- Ban Kiểm soát thống nhất và chấp thuận với các đánh giá, giải trình trong báo cáo của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Trên cơ sở báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Tổng công ty được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Ban Kiểm soát nhất trí báo cáo với Đại hội đồng cổ đông như sau:
  - + Thống nhất với các báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty đã được Kiểm toán;



Người ký: TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI  
VIỆT NAM

Email: fcpaoshotel@gmail.com

Thời gian ký: 26.06.2026  
16:09:15 +07:00

Website: www.ctx.vn

- + Báo cáo tài chính phản ánh chính xác, trung thực tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 và phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra về công tác hạch toán kế toán;
- + Việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, lập báo cáo tài chính đảm bảo tính trung thực và tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, tuân thủ theo chế độ kế toán của Nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan;

**4. Về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền Kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan**

- Không có giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó;
- Không có giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

**5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp**

a) Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời đối với Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp và lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và tuân thủ theo quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật;
- Tuân thủ theo quy định của pháp luật đối công ty đại chúng, minh bạch trong báo cáo và công bố thông tin;

b) Đánh giá hoạt động của Ban điều hành và cán bộ quản lý khác:

- Ban điều hành thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tuân thủ quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật trong công tác quản lý, điều hành.

**6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông**

- Trưởng Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.



- Ban Kiểm soát luôn được Hội đồng quản trị và Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình.
- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và của Ban điều hành được gửi tới Ban Kiểm soát, do đó việc nắm bắt và trao đổi thông tin giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn kịp thời.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

Trân trọng báo cáo.

**THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**LÝ VĂN KHẢ**



**TỜ TRÌNH**

Thông qua các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam, bao gồm:

1. Báo cáo tài chính riêng (báo cáo tài chính công ty mẹ); và
2. Báo cáo tài chính hợp nhất.

(Các báo cáo tài chính kèm theo)

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**PHAN MINH TUẤN**



Người ký: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**  
Email: [fcpaoshotel@gmail.com](mailto:fcpaoshotel@gmail.com)  
Thời gian ký: 26.06.2026 16:59:25 +07:00

**TỜ TRÌNH**

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 37 Điều lệ Tổng công ty, việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm do Ban kiểm soát đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Căn cứ ý kiến của Ban kiểm soát về việc đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 với nội dung như sau:

"Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Trưởng Ban kiểm soát chủ động phối hợp với Ban điều hành lựa chọn một trong số những công ty kiểm toán trong danh sách các công ty kiểm toán được Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026".

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT****PHAN MINH TUẤN**

Người ký: TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI  
VIỆT NAM  
Email: fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:10:06 +07:00

**TỜ TRÌNH**

Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã chi trong năm 2025 và đề xuất mức thù lao năm 2026 như sau:

**I. Thù lao đã chi trong năm 2025**

- 1. Hội đồng quản trị : 204.000.000 đồng (Hai trăm linh bốn triệu đồng)
- 2. Ban kiểm soát : 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng)

Tổng số tiền thù lao của HĐQT và BKS đã chi tuân thủ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

**II. Đề xuất mức thù lao năm 2026**

- 1. Thù lao của HĐQT: 204.000.000 đồng. Trong đó:

Stt	Chức danh	Thù lao 01 tháng (đồng)	Số lượng (người)	Thù lao 12 tháng (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	1	60.000.000
2	Thành viên HĐQT	3.000.000	4	144.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>204.000.000</b>

- 2. Thù lao của BKS: 60.000.000 đồng. Trong đó:

Stt	Chức danh	Thù lao 01 tháng (đồng)	Số lượng (người)	Thù lao 12 tháng (đồng)
1	Trưởng BKS	3.000.000	1	36.000.000
2	Thành viên BKS	1.000.000	2	24.000.000
<b>Tổng cộng</b>				<b>60.000.000</b>

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**PHAN MINH TUẤN**



Người ký: TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY  
DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI  
VIỆT NAM  
Email: fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:10:33 +07:00

**TỜ TRÌNH**

Thông qua nội dung dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Các văn bản hướng dẫn thi hành luật;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty,

Để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành (*Bản Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi đính kèm*).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để Hội đồng quản trị có cơ sở hoàn thiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT****PHAN MINH TUẤN**

Người ký: TỔNG CÔNG  
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ  
THƯƠNG MẠI VIỆT  
NAM  
Email:  
fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:10:52 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT  
NAM  
(CTX HOLDINGS)

Hà Nội, ngày \_\_ tháng \_\_ năm 2026

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I:</b>	<b>5</b>
<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>5</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
<b>CHƯƠNG II:</b>	<b>5</b>
<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT</b>	<b>5</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	6
<b>CHƯƠNG III:</b>	<b>6</b>
<b>NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>6</b>
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh	6
Điều 5. Mục tiêu hoạt động	6
<b>CHƯƠNG IV:</b>	<b>6</b>
<b>VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN</b>	<b>6</b>
Điều 6. Vốn điều lệ và cổ phần	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
<b>CHƯƠNG V:</b>	<b>7</b>
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>7</b>
Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	7
<b>CHƯƠNG VI:</b>	<b>7</b>
<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>7</b>
Điều 10. Quyền của cổ đông phổ thông	7
Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	9
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Thay đổi các quyền	12
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	16
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18

<b>CHƯƠNG VII:</b>	<b>19</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>19</b>
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	20
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	21
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	22
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	23
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	23
<b>CHƯƠNG VIII:</b>	<b>24</b>
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>24</b>
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	24
Điều 33. Người điều hành Tổng công ty	24
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	24
<b>CHƯƠNG IX:</b>	<b>25</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>25</b>
Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	25
Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát	25
Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát	26
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	26
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	27
<b>CHƯƠNG X:</b>	<b>27</b>
<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</b>	<b>27</b>
Điều 40. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác	27
<b>CHƯƠNG XI:</b>	<b>28</b>
<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>28</b>
Điều 41. Phân phối lợi nhuận	28
<b>CHƯƠNG XII:</b>	<b>28</b>
<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	<b>28</b>
Điều 42. Tài khoản ngân hàng	28
Điều 43. Năm tài chính	28
Điều 44. Chế độ kế toán	28
<b>CHƯƠNG XIII:</b>	<b>29</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>29</b>
Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	29

Điều 46. Báo cáo thường niên	29
<b>CHƯƠNG XIV:</b>	<b>29</b>
<b>KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY</b>	<b>29</b>
Điều 47. Kiểm toán	29
<b>CHƯƠNG XV:</b>	<b>29</b>
<b>DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</b>	<b>29</b>
Điều 48. Dấu của doanh nghiệp	29
<b>CHƯƠNG XVI:</b>	<b>29</b>
<b>GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY</b>	<b>29</b>
Điều 49. Giải thể Tổng công ty	29
<b>CHƯƠNG XVII:</b>	<b>30</b>
<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>30</b>
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ	30
<b>CHƯƠNG XVIII:</b>	<b>30</b>
<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>30</b>
Điều 51. Điều lệ Tổng công ty	30
<b>CHƯƠNG XIX:</b>	<b>30</b>
<b>NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>30</b>
Điều 52. Ngày hiệu lực	30

## PHẦN MỞ ĐẦU

Bản Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam thông qua vào ngày 29 tháng 06 năm 2026.

### CHƯƠNG I:

#### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

##### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
  - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - e) *Ngày thành lập* là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
  - f) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty;
  - g) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
  - h) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - i) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;
  - j) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ.

### CHƯƠNG II:

#### TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

##### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM INVESTMENT CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK CORPORATION

Tên công ty viết tắt: CTX HOLDINGS

2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty: Tầng 2, tòa nhà HH2, đường Dương Đình Nghệ, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 49 Điều lệ, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty**

1. Tổng công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.
2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG III:**

### **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh**

Tổng công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và bất kỳ ngành, nghề nào khác theo quy định pháp luật.

#### **Điều 5. Mục tiêu hoạt động**

Bảo toàn và phát triển vốn; đảm bảo lợi ích tối đa cho các cổ đông; nâng cao thu nhập cho người lao động và hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

## **CHƯƠNG IV:**

### **VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ và cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty tại ngày thông qua Điều lệ này là 1.004.067.400.000 đồng (Một nghìn không trăm lẻ bốn tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ được chia thành 100.406.740 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 10 và Điều 11 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và quy định của pháp luật hiện hành.
6. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 9. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

### **CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 10. Quyền của cổ đông phổ thông**

1. **Cổ đông phổ thông có các quyền sau:**
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác;
  - e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
  - f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty;
  - h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;
  - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật;
  - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và điểm c khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;
  - c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
  - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số giấy tờ pháp lý của của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần cổ đông sở hữu, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
  - a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc đề cử thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
  - c) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 11. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
  - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 12. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
  - b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
  - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
  - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
  - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
  - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty;
  - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

- l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
  - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
  - n) Tổ chức lại và giải thể Tổng công ty;
  - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với người có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r) Chấp thuận các giao dịch giữa Tổng công ty với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.
3. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

#### **Điều 15. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong

thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 16, 17 và 18 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật có liên quan;
  - b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - f) Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a) Chương trình họp và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b) Phiếu biểu quyết;
  - c) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;
  - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;Chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và người được ủy quyền tham dự.

#### **Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều

- hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
  4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
    - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
    - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
    - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
  5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
  6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
  7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
    - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
    - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
  8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
    - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
    - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết đối với các vấn đề sau đây:
  - a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
  - b) Định hướng phát triển của công ty;
  - c) Lợi cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
  - d) Bầu, Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

#### **Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, bao gồm các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích lấy ý kiến;
  - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - a) Trường hợp gửi thư qua đường bưu điện, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ.
  - d) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về Tổng công ty được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị thành lập ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

**Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được (ngày công bố trên website) nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ có quyền

yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
  - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định hủy bỏ nghị quyết của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan.

### **Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:  
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

#### **Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
  - e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Tổng công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;
  - k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Tổng công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;
  - p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật.

**Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở đi lại và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

**Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo ủy quyền;
  - g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa

vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

### **Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp (nếu có) và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

### **Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
  - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VIII:**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty.
2. Tổng công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 33. Người điều hành Tổng công ty**

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm:
  - Tổng giám đốc.
  - Phó tổng giám đốc.
  - Kế toán trưởng.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
  - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
  - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
  - g) Tuyển dụng lao động;
  - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 37. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG X:**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 40. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
  - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;
  - c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các lợi ích có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
  - e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Tổng công ty và bên thứ ba.

## **CHƯƠNG XI: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 41. Phân phối lợi nhuận**

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
- Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XII: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

- Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

### **Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

### **Điều 44. Chế độ kế toán**

- Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
- Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
- Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **CHƯƠNG XIII:**

#### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, CÔNG BỐ THÔNG TIN**

##### **Điều 45. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Tổng công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

##### **Điều 46. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XIV:**

#### **KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

##### **Điều 47. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Tổng công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Tổng công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

### **CHƯƠNG XV:**

#### **DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

##### **Điều 48. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

### **CHƯƠNG XVI:**

#### **GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY**

##### **Điều 49. Giải thể Tổng công ty**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
  - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

## **CHƯƠNG XVII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
  - a) Cổ đông với Tổng công ty;
  - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XVIII: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 51. Điều lệ Tổng công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG XIX: NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 52. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 19 chương, 52 điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và cùng chấp thuận toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**HỌ, TÊN, CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỜ TRÌNH**

Thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Để tuân thủ quy định pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (*bản Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm*).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để Hội đồng quản trị có cơ sở hoàn thiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT****PHAN MINH TUẤN**

Người ký: TỔNG CÔNG  
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ  
THƯƠNG MẠI VIỆT  
NAM  
Email:  
fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:11:13 +07:00

DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày \_\_ tháng \_\_ năm 2026

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> -----	<b>2</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng -----	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ -----	2
<b>CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> -----	<b>2</b>
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông-----	2
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc-----	2
Điều 5. Trình tự, thủ tục để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. -----	8
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến -----	10
<b>CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> -----	<b>10</b>
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị -----	10
Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị-----	11
Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị -----	13
Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị -----	14
Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	15
<b>CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT</b> -----	<b>16</b>
Điều 12. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát 16	
Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-----	16
<b>CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC</b> -----	<b>18</b>
Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc-----	18
Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	18
<b>CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b> -----	<b>18</b>
Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc---	18
Điều 17. Xử lý vi phạm về quản trị công ty -----	20
Điều 18. Công bố thông tin-----	20
Điều 19. Bổ sung, sửa đổi Quy chế -----	20
Điều 20. Hiệu lực thi hành -----	20

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Quy chế này được ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-CTX-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2026.

**CHƯƠNG I:  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:  
Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc; Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; Các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối tượng áp dụng:  
Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác, các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ Tổng công ty và các văn bản pháp luật liên quan sẽ có ý nghĩa tương tự như được quy định trong Quy chế này.

**CHƯƠNG II:  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ bằng cách thảo luận, biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
3. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ bằng cách biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

**Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp**

**1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

- 1.1. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:  
Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.
- 1.2. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có thể do: (i) Hội đồng quản trị; hoặc (ii) Ban kiểm soát; hoặc (iii) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên triệu tập theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Điều lệ công ty.

- b) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp theo quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:
- (i) Khi số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;
  - (ii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên;
  - (iii) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên được quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp này phải được lập thành văn bản và bao gồm các nội dung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
- c) Trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định tại mục (b) nêu trên thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty trở lên có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- e) Ngoài ra, Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.

## **2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp**

- 2.1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp theo quy định pháp luật.

## **3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 3.1. Trước khi tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, gồm các vấn đề như:
- Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để làm cơ sở lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - Ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến;
  - Địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
  - Chương trình và nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến;
  - Các vấn đề khác liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- 3.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3.3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.

#### **4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

4.1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

4.2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), tin nhắn điện thoại, fax, và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4.3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh. Nội dung thông báo mời họp theo quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.

4.4. Các tài liệu kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, bao gồm:

- Chương trình họp;
- Các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- Phiếu biểu quyết.

#### **5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

5.1. Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- b) Nội dung cuộc họp phải là các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, kèm theo đó là các tài liệu thuyết minh, giải trình, các báo cáo liên quan đến nội dung cuộc họp. Chương trình họp phải xác định rõ thời gian dự kiến đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- c) Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp theo cách thức được quy định tại Điều 4.4 của Quy chế này.

5.2. Kiến nghị của cổ đông để đưa vào chương trình họp:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
- b) Kiến nghị phải bằng văn bản và phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Kiến nghị phải được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp.
- c) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối các kiến nghị này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
  - Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm (b) nêu trên;
  - Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên;
  - Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.

- e) Trừ các trường hợp từ chối nêu trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình họp và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

## **6. Ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức khác dự họp. Ngoài ra, cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát làm đại diện cho mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 6.2. Văn bản ủy quyền không nhất thiết phải được lập theo mẫu của Tổng công ty, nhưng phải đảm bảo được lập theo đúng quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền.
- 6.3. Người được ủy quyền dự họp phải xuất trình văn bản ủy quyền khi thực hiện thủ tục đăng ký dự họp hoặc có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức đại hội trước ngày khai mạc.
- 6.4. Trường hợp cổ đông chấm dứt hoặc thay đổi người được ủy quyền thì phải thông báo bằng văn bản đến Tổng công ty trước ngày khai mạc đại hội.

## **7. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 7.1. Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tiến hành đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông, khi đăng ký dự họp phải xuất trình giấy tờ pháp lý cá nhân, văn bản ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết khác để đăng ký dự họp.
- 7.2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ban tổ chức đại hội phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự họp làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức đại hội trước khi vào dự và ký tên xác nhận vào danh sách cổ đông tham dự họp.
- 7.3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

## **8. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

- 8.1. Để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thì số cổ đông và người được ủy quyền dự họp phải đáp ứng một tỷ lệ tối thiểu theo quy định tại Điều 17 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:
- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và người được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng cổ phần có quyền biểu quyết.
- b) Hết 30 phút kể từ thời điểm Ban tổ chức bắt đầu tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp mà vẫn chưa đủ tỷ lệ tối thiểu 65% đăng ký tham dự như được nêu ở mục (a) nói trên, Ban tổ chức đại hội lập báo cáo và tuyên bố hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp lần thứ nhất. Cuộc họp lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp tham dự đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- c) Hết 30 phút kể từ thời điểm Ban tổ chức bắt đầu tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông tham dự cuộc họp lần thứ hai mà vẫn chưa đủ tỷ lệ tối thiểu 51% đăng ký tham dự như được nêu ở mục (b) nói trên, Ban tổ chức đại hội lập báo cáo và tuyên bố hủy cuộc họp lần hai. Thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể

từ ngày dự định tiến hành cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này cuộc họp lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông và người được ủy quyền tham dự.

- 8.2. Trong trường hợp triệu tập họp lần hai và lần ba như đã nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không cần lập lại danh sách cổ đông có quyền dự họp và có thể sử dụng danh sách cổ đông đã lập cho cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất.
- 8.3. Chương trình và nội dung cuộc họp lần thứ hai và/hoặc lần thứ ba vẫn sẽ được giữ nguyên như chương trình và nội dung cuộc họp đã được chuẩn bị cho lần họp thứ nhất.

## **9. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của mình thông qua các hình thức sau:

- a) Biểu quyết tại cuộc họp; hoặc
- b) Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **10. Cách thức bỏ phiếu**

- 10.1. Cổ đông, người được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được Ban tổ chức phát phiếu biểu quyết được chuẩn bị sẵn.
- 10.2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua từng vấn đề trong chương trình đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách bỏ phiếu. Cách thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.
- 10.3. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 10.4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

## **11. Cách thức kiểm phiếu**

- 11.1. Số phiếu biểu quyết (thẻ biểu quyết) được kiểm đếm theo thứ tự: phiếu tán thành, phiếu không tán thành, phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết. Việc công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện ngay tại đại hội.
- 11.2. Cách thức kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được đại hội thông qua.

## **12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Điều lệ và quy định tại Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

- 12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
  - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
  - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

- 12.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp sau đây:
- Các vấn đề quy định tại khoản 12.1 Điều này;
  - Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;
  - Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 20 Điều lệ;
  - Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ.
- 12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
- 12.4. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 12.5. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **13. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

#### 13.1. Đối với thể thức họp trực tiếp:

Việc kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu thực hiện ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, kết quả kiểm phiếu được công bố ngay tại Đại hội.

#### 13.2. Đối với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, đồng thời công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi kết thúc công việc kiểm phiếu.

### **14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

14.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ.

14.2. Thời hạn cổ đông thực hiện quyền yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là 90 ngày, kể từ ngày nhận được (ngày công bố trên website) biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

15.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

- 15.2. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- 15.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 15.4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

#### **16. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và phải công bố thông tin theo quy định pháp luật kể từ khi được ban hành.

#### **Điều 5. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.**

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
  - a) Tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua trong trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.
  - b) Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Trình tự, thủ tục thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
  - 2.1. Thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, bao gồm các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
  - 2.2. Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
    - a) Khi xét thấy cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tiến hành họp để thống nhất các vấn đề cần lấy ý kiến.
    - b) Hội đồng quản trị phải xác định được mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến; ngày đăng ký cuối cùng để làm cơ sở lập danh sách cổ đông được lấy ý kiến; thời hạn gửi lại phiếu ý kiến. Các nội dung này được thể hiện bằng Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
    - c) Hội đồng quản trị phải thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
    - d) Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.
  - 2.3. Lập danh sách cổ đông để lấy ý kiến:

- a) Căn cứ nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chuẩn bị và gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), đề nghị VSDC lập và gửi danh sách cổ đông sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền biểu quyết.
- b) Hồ sơ thông báo gửi cho VSDC thực hiện theo quy định tại quy chế và/hoặc hướng dẫn của VSDC được ban hành tại thời điểm lập và gửi hồ sơ.
- c) Danh sách cổ đông để lấy ý kiến được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi phiếu lấy ý kiến bằng văn bản.

2.4. Phiếu lấy ý kiến và thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến:

- a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn cổ đông phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

2.5. Cách thức gửi phiếu lấy ý kiến:

- a) Hội đồng quản trị gửi phiếu lấy ý kiến đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông bằng đường bưu điện, thư điện tử (email), fax và/hoặc bằng các phương thức liên lạc khác để đảm bảo đến địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- b) Các tài liệu giải trình và các nội dung cần lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để các cổ đông xem xét trước khi thực hiện trả lời phiếu lấy ý kiến.
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ, cụ thể:
  - (i) Trường hợp gửi thư qua đường bưu điện: phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín, được và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
  - (ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư qua đường bưu điện hoặc đã bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax/thư điện tử sẽ được xem là phiếu không hợp lệ.
- e) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.6. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu:

- a) Hội đồng quản trị thành lập ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty.
- b) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ.

2.7. Thông báo kết quả kiểm phiếu và công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- c) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu khác có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

**CHƯƠNG III:  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

- 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị:
  - 2.1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
  - 2.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:
    - a) Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;
    - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
    - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác (nếu có);
    - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con của Tổng công ty, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
    - e) Công bố thông tin theo quy định pháp luật khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty.
- 3. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và trách nhiệm, nghĩa vụ sau:
  - a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.

- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.
- c) Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.
- d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- e) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.
- f) Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 31 Điều lệ.
- g) Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:
  - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
  - b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
  - a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:  
Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
  - b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:
    - Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: (i) không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; (ii) có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty; (iii) thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
    - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 công ty đại chúng.
    - Thành viên Hội đồng quản trị của công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
  - 3.1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến và điều kiện, tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị để các cổ đông đề cử, ứng cử.
  - 3.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần của mình để đề cử các ứng viên tham gia Hội đồng quản trị theo quy định sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 ứng viên;
  - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
  - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
  - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 05 ứng viên;
  - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được quyền đề cử đủ số ứng viên;
- 3.3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:  
Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
- 4.1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.
- 4.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
  - b) Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và quy định tại Quy chế này.
- 5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài các trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.

- 5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
  - Trừ trường hợp quy định tại điểm (a) nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
- 6.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - Trình độ chuyên môn;
  - Quá trình công tác;
  - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
  - Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó.
- 6.2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan.
7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 7.3. Bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định.

## **Điều 9. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ.

## **Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Trình tự và thủ tục cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ và quy định pháp luật, cụ thể:

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
2. Các trường hợp họp Hội đồng quản trị bất thường:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp (nếu có) và phiếu biểu quyết của thành viên.
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát:

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:
  - a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.
  - b) Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại mục (a) nêu trên thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
6. Cách thức biểu quyết:

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

  - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết;
  - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:
  - a) Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
  - b) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành;

- c) Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị:  
Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị:
  - a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
  - b) Nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.
  - c) Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- 10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:  
Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
- 11. Thẩm quyền và thể thức, trình tự, thủ tục lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản thực hiện giống như quy định về tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị.

#### **Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

- 1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:
  - a) Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
  - b) Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:  
Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại doanh nghiệp.
- 3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
  - b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
  - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty:  
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều 31 Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 12. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, Ban kiểm soát có vai trò chủ yếu sau:
  - a) Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;
  - b) Thẩm định, đánh giá công tác kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty;
  - c) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 38 Điều lệ và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
  - a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
  - b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
  - c) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
  - d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:
  - a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - b) Ban kiểm soát bao gồm một Trưởng ban và các Kiểm soát viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

  - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
  - b) Là thành viên hay nhân viên của Tổng công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:
  - 3.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần của mình để đề cử các ứng viên tham gia Ban kiểm soát theo quy định sau:
    - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa 01 ứng viên;

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên;
  - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên;
  - d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên;
  - e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa 05 ứng viên;
  - f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được quyền đề cử đủ số ứng viên;
- 3.2. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:
- 4.1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định.
- 4.2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:
- 5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
6. Thông báo về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:
- Việc thông báo bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự như đối với thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế này.
- Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ.

## **CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ.

### **Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:
  - 1.1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
  - 1.2. Tổng giám đốc của công ty đại chúng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:
    - a) Không thuộc đối tượng không được phép quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
    - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng công ty, Kiểm soát viên của Tổng công ty;
    - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Tổng công ty.
2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
3. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan.
5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:

Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

### **Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập họp, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo (nếu có) đến thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và quy chế này.
  - b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.
  - c) Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc và/hoặc người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.
2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
    - a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới Ban kiểm soát sau khi kết thúc cuộc họp.
    - b) Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
  3. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:
    - a) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này theo quy định và khi được yêu cầu.
    - b) Trong cuộc họp Hội đồng quản trị mà Tổng giám đốc được mời tham dự, khi được yêu cầu, Tổng giám đốc phải báo cáo về các vấn đề quan trọng như: tình hình tài chính, đầu tư của Tổng công ty; các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động; các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh và các vấn đề xét thấy cần thiết khác.
    - c) Theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu.
  4. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:
 

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị ủy quyền thực hiện, đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.
  5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
    - a) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:
 

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả các tài liệu họp, thông tin về nội dung họp, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tài liệu khác do Tổng công ty ban hành sẽ được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.
    - b) Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 

Tổng giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, tài liệu khi có yêu cầu theo quy định tại Điều lệ và theo quy định nội bộ.
    - c) Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ và theo quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về tính trung thực đối với các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị.

#### **Điều 17. Xử lý vi phạm về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Tổng công ty và của pháp luật. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Công bố thông tin**

1. Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật là người thực hiện công bố thông tin hoặc có thể ủy quyền cho người khác thực hiện công bố thông tin.

#### **Điều 19. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

#### **Điều 20. Hiệu lực thi hành**

Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm 06 chương 20 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

**TỜ TRÌNH**

Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Để tuân thủ quy định pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Dự thảo đính kèm).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để Hội đồng quản trị có cơ sở hoàn thiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT****PHAN MINH TUẤN**

Người ký: TỔNG CÔNG  
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG  
MẠI VIỆT NAM  
Email:  
fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:11:37 +07:00

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>2</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	2
<b>CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>2</b>
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	4
<b>CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>5</b>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	5
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	5
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	6
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	7
<b>CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>7</b>
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	7
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	8
<b>CHƯƠNG V: BÁO CÁO, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC</b>	<b>9</b>
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	9
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	9
<b>CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>9</b>
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	9
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	10
Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	10
<b>CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>10</b>
Điều 22. Bổ sung, sửa đổi Quy chế	10
Điều 23. Hiệu lực thi hành	10

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị quyết số ...../2026/NQ-CTX-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng công ty"), Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với các nội dung sau đây:

**CHƯƠNG I:  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo nguyên tắc đa số quá bán đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các Quy chế do Tổng công ty ban hành.
2. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.
3. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**CHƯƠNG II:  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, theo Điều lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

## **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

## **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
2. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty đại chúng không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể:
  - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo ủy quyền;
  - g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b) Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo quy định pháp luật.
3. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể:

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ

đồng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
  - f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó.
2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật có liên quan.

### **CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ công ty, theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo quy định pháp luật.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan**

Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể:

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
  - c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

### **Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
  - b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

### **CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
  - b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
  - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp (nếu có) và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm (nếu có) theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp, gồm những nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
  3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
  4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V:**

### **BÁO CÁO, THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC**

#### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

## **CHƯƠNG VI:**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

### **CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 22. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TỜ TRÌNH**

Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

Để tuân thủ quy định pháp luật về quản trị công ty đối với công ty đại chúng, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Dự thảo đính kèm).

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua để Ban kiểm soát có cơ sở hoàn thiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình.

**THAY MẶT BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**LÝ VĂN KHẢ**



Người ký: TỔNG CÔNG  
TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG  
MẠI VIỆT NAM  
Email:  
fcpaoshotel@gmail.com  
Thời gian ký: 26.06.2026  
16:11:53 +07:00

**DỰ THẢO**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	3
<b>CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)</b>	<b>3</b>
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
<b>CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>6</b>
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	6
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông	6
<b>CHƯƠNG IV: BÁO CÁO, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC</b>	<b>7</b>
Điều 14. Trình báo cáo hàng năm	7
Điều 15. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác	7
<b>CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>8</b>
Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	8
Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành	8
Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	8
<b>CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b>	<b>8</b>
Điều 19. Bổ sung, sửa đổi Quy chế	8
Điều 20. Hiệu lực thi hành	8

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị quyết số ...../2026/NQ-CTX-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam ("Tổng công ty"), Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát với các nội dung sau đây:

**CHƯƠNG I:  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát của Tổng công ty.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

**CHƯƠNG II:  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)**

**Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể:

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.

#### **Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.

#### **Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng viên thông qua ứng cử và đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định khoản 4 Điều 13 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, cụ thể:

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định.
- b) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

#### **Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;
  - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
  - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
  - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
  - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b) Trình độ chuyên môn;
  - c) Quá trình công tác;
  - d) Các chức danh quản lý khác;
  - e) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
  - f) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó.
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định pháp luật về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
  - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
  - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
  - c) Các tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác;
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

#### **Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
  - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.
  3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

#### **CHƯƠNG IV:**

### **BÁO CÁO, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC**

#### **Điều 14. Trình báo cáo hàng năm**

Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
6. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của doanh nghiệp.
8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

#### **Điều 15. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách

hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG V: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 16. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

### **Điều 17. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

### **Điều 18. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 19. Bổ sung, sửa đổi Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

### **Điều 20. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam bao gồm 06 chương, 20 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**